

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2020

“Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Lâm;
Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1977 (vắng mặt - có yêu cầu);

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ thành hôn vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh C hay uống rượu rồi về gây chuyện đánh đập chị. Lần cuối cùng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn phải cắt đứt quan hệ nhau từ tháng 02/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không khắc phục được nữa nên chị yêu cầu ly hôn anh C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hữu N (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/4/2001 và Trần Hữu T (Giới tính: Nam), sinh ngày: 28/7/2011. Hai con chung hiện ở với anh C.

Con chung tên Trần Hữu N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu nuôi cũng như cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Con chung tên Trần Hữu T có nguyện vọng ở với anh C thì chị đồng ý, nếu chị nuôi thì không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/ 10 /2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Trần Thị H tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ thành hôn vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 rồi sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Chị H ngoại tình nên anh bức tức đánh chị H, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn yêu thương nhau nữa nên chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng tình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hữu N (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/4/2001 và Trần Hữu T (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/7/2011. Hai con chung hiện ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Hữu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Hữu N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu nuôi cũng như cấp dưỡng nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị H và anh C là vợ chồng.

- + Về con chung: Giao con chung tên Trần Hữu T cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh C không yêu cầu. Đối với con chung tên Trần Hữu N đã trưởng thành, chị H và anh C không yêu cầu về việc nuôi cũng như cấp dưỡng nuôi dưỡng nên miễn xét.
- + Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.
- + Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là loại việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Trần Văn C hiện đang cư trú tại thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn C tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2000 và chung sống cho đến tháng 02/2016 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

[2.2] Việc Chị Trần Thị H và anh Trần Văn C đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó việc chị H yêu cầu ly hôn nhưng không có chứng cứ để chứng minh là đã đăng ký kết hôn nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử không công nhận quan hệ giữa chị H và anh C là vợ chồng.

[2.3] Về con chung: Có 02 con tên Trần Hữu N (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/4/2001 và Trần Hữu T (Giới tính: Nam), sinh ngày: 28/7/2011. Con chung tên Trần Hữu N đã trưởng thành, chị H và anh C không yêu cầu việc nuôi và cấp dưỡng nên miễn xem xét. Anh Chính được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Hữu T đến trưởng thành, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con (Công nhận sự thỏa thuận của chị H, anh C và nguyện vọng của con chung tên Trần Hữu T).

[2.4] Về tài sản chung: Chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cần buộc chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0006857 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Con chung tên Trần Hữu N đã trưởng thành, Chị H và anh C không yêu cầu nuôi cũng như cấp dưỡng nên miễn xét.

- Anh Trần Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Hữu T đến trưởng thành, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (Công nhận sự thỏa thuận của chị H, anh C và nguyện vọng của con chung tên Trần Hữu T).

Chị Trần Thị H không trực tiếp nuôi con nhưng chị vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0006857 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân